TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/LĐ-PT
Ngày: 14–10–2019
V/v "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Khưu Để Dành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 10 tháng 10 đến ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/LĐ-PT, ngày 23 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2019/LĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐXXPT-LĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh năm 1987 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số 239, đường THĐ, khóm 3, phường 1, thành phố SĐ, tỉnh ĐT.

Địa chỉ liên hệ: Số 48/3, đường NTN, khóm 1, phường 1, thành phố SĐ, tỉnh ĐT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lại Thị Lệ T là Luật sư Văn phòng luật sư Lại Thị Lệ T thuộc Đoàn luật sư thành phố HCM (có mặt).

Địa chỉ văn phòng: Số 1014 đường TS, Phường 12, Quận 3, thành phố HCM.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Bùi Đình Q - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA (có mặt).

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Sakura, Tầng 3, Số 47 đường VTP, phường TXT, quận TX, thành phố HN.

Địa chỉ chi nhánh: Tòa nhà L4-01 Khu đô thị Golden City An Giang, đường NH, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977, nơi cư trú: 51/2 đường BTX, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG (theo giấy ủy quyền ngày 02/8/2019) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Hoài N, sinh năm 1986 (Nguyên giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA chi nhánh AG) (vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà L4-01, khu đô thị Golden City AG, đường NH, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

3.2. Bảo hiểm xã hội thành phố HN; (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số 162, TH, phường HC, quận HĐ, thành phố HN.

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt H là nguyên đơn trong vụ án.

4.2. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA là bị đơn trong vụ án.

5. Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt H (sau đây gọi tắt là bà H) trình bày:

Ngày 13/10/2016, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA (sau đây gọi tắt là Công ty ĐA) nhận bà vào thử việc 02 tháng với vị trí Phó Chánh văn phòng Công ty ĐA chi nhánh AG, có thư mời nhận thử việc số 36 ngày 13/10/2016.

Ngày 13/12/2016, Công ty ĐA do ông Bùi Đình Q (sau đây gọi tắt là ông Q), chức vụ: Tổng Giám đốc đại diện ký hợp đồng lao động với bà theo Hợp đồng số: 71.2016/HĐLĐ ngày 13/12/2016, với mức lương chính hoặc tiền công là 4.700.000đ/tháng, hợp đồng lao động không xác định thời hạn; Công ty ĐA tiếp nhận bà là cán bộ nhân viên chính thức của công ty theo Quyết định số 71 ngày 13/12/2016.

Theo hợp đồng lao động, bà làm việc theo sự phân công của Tổng Giám đốc Công ty ĐA là ông Q, nhưng ông Q không có mặt thường xuyên trong thời gian bà làm việc tại Công ty ĐA chi nhánh AG nên việc điều hành Công ty ĐA chi nhánh AG do ông Trần Hoài N (sau đây gọi tắt là ông N) quyết định. Quá trình làm việc, bà thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Quyết định

33.2016/QĐ–ĐA về việc ban hành chức năng nhiệm vụ cơ cấu tổ chức do Tổng Giám đốc ký ngày 05/10/2016.

Ngày 17/4/2017, ông N gửi email thông báo cho bà được biết: Do tình hình kinh doanh hoạt động của công ty không hiệu quả, tình hình tài chính khó khăn nên công ty sẽ có kế hoạch cắt giảm vị trí của bà. Sau đó, bà phản hồi ý kiến cho công ty biết: Nếu công ty sa thải bà với lý do như công ty đã nêu là không thuyết phục, vì công ty vẫn đang tuyển dụng thêm nhân viên kinh doanh để mở rộng kinh doanh nên việc cắt giảm vị trí quản lý của bà là hoàn toàn trái quy định của pháp luật, bà yêu cầu công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2017, ông N có gửi email kèm Thông báo số 89/ĐA-BQLDA cho tất cả nhân viên Công ty ĐA chi nhánh AG và Văn phòng HN biết về việc bãi nhiệm chức vụ của bà và chấm dứt hợp đồng lao động với bà sau 45 ngày kể từ ngày 24/4/2017, bà nhận thông báo bản chính từ ông Nguyễn Duy Hải là kế toán tổng hợp Công ty ĐA chi nhánh AG.

Tiếp theo, bà nhận được Quyết định số: 155/2017/QĐNS ngày 12/5/2017 do bà Thịnh Thị Thanh Huyền – Phó Tổng Công ty ĐA ký về việc đình chỉ công tác đối với bà. Bà yêu cầu ông Q phải có giấy ủy quyền của ông Q là Tổng Công ty ĐA ủy quyền cho bà Thịnh Thị Thanh Huyền - Phó Tổng Công ty ĐA ký quyết định, nếu không có giấy ủy quyền của ông Q xem như quyết định đình chỉ công tác đối với bà là không có hiệu lực nên bà vẫn tiếp tục đến công ty làm việc bình thường nhưng bảo vệ công ty không cho bà vào công ty vì cho rằng là lệnh của Tổng Giám đốc.

Ngày 05/6/2017, Công ty ĐA ban hành Quyết định số: 56.2017/QĐNS về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà, đây là quyết định trái pháp luật.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

1. Buộc Công ty ĐA phải thu hồi Quyết định số: 56.2017/QĐNS ngày 05/6/2017 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà và phải nhận bà trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã ký kết.

2. Buộc Công ty ĐA trả tiền lương cho bà trong những ngày bà không được làm việc, tính từ ngày 08/6/2017 đến ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực, với mức lương 13.000.000đ/tháng, cụ thể:

- Từ ngày 08/6/2017 đến ngày 30/6/2017 là 20 ngày: 500.000đ/ngày x 20 ngày = 10.000.000đ;

- Từ tháng 7/2017 đến tháng 4/2019 là 22 tháng: 13.000.000đ x 22 tháng = 286.000.000đ;

- Từ 01/5/2019 đến ngày 15/5/2019 là 13 ngày: 500.000đ x 13 ngày = 6.500.000đ;

- Tiếp tục trả lương đến ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

3. Buộc Công ty ĐA phải thanh toán các khoản tiền bảo hiểm theo quy định của pháp luật, tạm tính đến ngày 17/4/2019: 4.700.000đ x 7 x 21,5% + 17 x

13.000.000 đồng = 54.588.500đ; tiếp tục thanh toán các khoản bảo hiểm đến ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

4. Buộc Công ty ĐA phải trả ít nhất 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật: 13.000.000đ/tháng x 02 tháng = 26.000.000đ.

5. Buộc Công ty ĐA phải trả tiền phép năm: 2017, 2018, 2019 và tiền lương tháng 13 của năm 2017 và 2018. Tạm tính đến ngày 15/5/2019: 13.000.000đ x 24 tháng: 26 tháng + 26.000.000đ = 38.000.000 đồng. Tiếp tục thanh toán đến ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

6. Buộc Công ty ĐA phải trả chi phí thuê luật sư 30.000.000đ.

7. Buộc Công ty ĐA phải trả chi phí gửi đơn, tài liệu bằng đường bưu điện, chi phí đi lại, ăn uống trong thời gian tham gia vụ án, tổng cộng là 11.500.00đồng.

Bị đơn Công ty ĐA không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Theo Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 03/7/2018, ông Trần Ngọc P (sau đây gọi tắt là ông P) là người đại diện theo ủy quyền của Công ty ĐA trình bày: Công ty ĐA không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P trình bày: Công ty ĐA cho bà H nghỉ việc là đúng theo quy định của pháp luật. Hiện nay, tình hình kinh doanh của Công ty ĐA có chuyển biến tốt nên công ty đồng ý nhận bà H trở lại làm việc nhưng việc phân công chức vụ sẽ thỏa thuận sau. Công ty ĐA tự nguyện hỗ trợ cho bà H số tiền 132.000.000đ.

Theo bản tự khai ngày 22/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoài N trình bày:

Công ty ĐA tiếp nhận nhân sự làm việc đúng quy định, chấp hành theo quy định của Bộ luật Lao động; Công ty ĐA thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn và có báo trước 45 ngày cho người lao động theo Thông báo số 89 ngày 24/4/2017 là đúng theo khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động, nhưng người lao động không chấp hành bàn giao công việc, tài sản, ngược lại có hành động quấy rối, ảnh hưởng đến thương hiệu, hoạt động sản xuất của công ty nên công ty ra Quyết định số 155 ngày 12/5/2017 đình chỉ công tác nhưng vẫn đảm bảo tiền lương cho người lao động, công ty chấp hành pháp luật nhưng có cân nhắc để xử lý một cách nhân văn. Do bà H có giữ 01 bộ chìa khóa của toàn bộ văn phòng nên công ty phải thông báo cho cơ quan công an tăng cường bảo vệ để tránh thất thoát tài sản của công ty.

Công ty ĐA được thành lập và hoạt động theo pháp luật, Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và chịu trách nhiệm với Hội đồng quản trị, cổ đông của công ty về hiệu quả kinh doanh, không có quy định yêu cầu Ban lãnh đạo, Tổng Giám đốc phải báo cáo với nhân viên về hoạt động kinh doanh của công ty nên việc bà H trình bày: *"công ty vẫn đang hoạt động hiệu quả, vẫn đăng tuyển nhân viên kinh doanh"* là ngụy biện.

Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về yêu cầu trợ cấp, trả thêm tiền đến khi có quyết định xét xử, vì thời gian bà H làm việc tại công ty đến ngày nghỉ việc mới đạt 06 tháng nên chưa đủ điều kiện hưởng trợ cấp.

Công ty ĐA và bà H là chủ thể có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cá nhân ông và ông Q không liên quan, đề nghị Tòa án xem xét.

Theo Văn bản số 2545/BHXH-TTKT ngày 27/9/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố HN trình bày:

Tháng 01/2017, Công ty ĐA đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà H tại bảo hiểm xã hội quận Hai Bà Trưng, mức lương căn cứ đóng bảo hiểm là 4.700.000đ.

Tháng 6/2017, Công ty ĐA đã làm thủ tục báo giảm, dừng tham gia đối với bà H do chấm dứt hợp đồng lao động. Từ khi dừng tham gia bảo hiểm đến nay, Công ty ĐA chưa làm thủ tục xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm để trả sổ bảo hiểm bà H.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2019/LĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H:

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Công ty ĐA và bà H, Công ty ĐA có trách nhiệm nhận bà H trở lại làm việc theo hợp đồng lao động số 71.2016/HĐLĐ giữa Công ty ĐA và bà H ký ngày 13/12/2016.

- Công ty ĐA có nghĩa vụ thanh toán cho bà H tiền lương và tiền phép năm trong thời gian bà H không làm việc (từ tháng 6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/5/2019) là 131.853.000đ (Bao gồm: tiền lương 110.453.000đ, 02 tháng tiền lương 2 x 4.700.000đ/tháng = 9.400.000đ, hỗ trợ tiền phép năm 12.000.000đ).

- Buộc Công ty ĐA phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà H từ tháng 06/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (21/5/2019), theo mức lương 4.700.000đ của hợp đồng lao động số 71.2016/HĐLĐ ngày 13/12/2016. Bà H có nghĩa vụ phối hợp với Công ty ĐA để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật (doanh nghiệp đóng 21,5%; người lao động đóng 10,5%, tổng cộng 32%).

- Buộc Công ty ĐA có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lương và các chế độ bảo hiểm khác theo hợp đồng lao động số 71.2016/HĐLĐ ngày 13/12/2016 cho bà H từ ngày xét xử sơ thẩm (21/5/2019) đến khi nhận bà H trở lại làm việc.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về các khoản sau:

- Mức tiền lương 13.000.000đ/tháng.

- Tiền lương tháng 13 của năm 2017, 2018 là 26.000.000đ.

- Tiền thuê luật sư 30.000.000đ.

- Tiền gửi đơn, tài liệu bằng đường bưu điện, chi phí xăng xe đi lại, ăn uống trong thời gian tham gia vụ án là 11.500.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/5/2019, bà H kháng cáo, không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm áp dụng Điều 42 của Bộ luật Lao động trên cơ sở tiền lương là 13.000.000đ/tháng, buộc công ty nhận bà trở lại làm việc với chức vụ là Phó Chánh Văn phòng, buộc công ty bồi thường chi phí thuê Luật sư và chi phí đi lại, in ấn tài liệu nộp cho Tòa án, buộc công ty thanh toán các khoản bảo hiểm cho đến khi nhận bà trở lại làm việc, buộc công ty thanh toán tiền phép năm 2017, 2018, 2019. Tổng cộng là 469.588.500đ.

Ngày 04/6/2019, Công ty ĐA do ông Q đại diện kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý hủy quyết định số 56.2017/QĐNS ngày 05/6/2107 về chấm dứt hợp đồng lao động với bà H. Công ty ĐA yêu cầu cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của công ty hỗ trợ cho bà H số tiền 132.000.000đ.

Ngày 19/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số: 01/2019/LĐ-ST ngày 21/5/2019 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên theo hướng: Tuyên bố việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty ĐA đối với bà H là trái pháp luật, buộc Công ty ĐA chi trả tiền lương trong những ngày bà H không được làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động trên cơ sở mức lương của người lao động là 4.700.000đ/tháng và các phụ cấp gồm: phụ cấp chức vụ và các chế độ phụ cấp khác theo Hợp đồng lao động số 71.2017/HĐLĐ và Quyết định số 71.2017/QĐNS ngày 13/12/2016 (trừ tiền thưởng, tiền ăn giữa ca, các khoản hỗ trợ, trợ cấp của người sử dụng lao động không liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động).

Tại phiên tòa:

Phần trình bày kháng cáo, kháng nghị:

- Bà H trình bày:

+ Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện Công ty ĐA.

+ Rút một phần kháng cáo về yêu cầu Công ty ĐA bồi thường chi phí thuê Luật sư, chi phí đi lại, chi phí in ấn tài liệu, tiền thưởng lương tháng 13.

+ Sửa một phần kháng cáo về yêu cầu tính tiền lương gồm: mức lương cơ bản là 4.700.000đ/tháng và lương hiệu quả là 7.650.000đ/tháng, tổng cộng là 12.350.000đ/tháng.

+ Giữ nguyên kháng cáo về yêu cầu tuyên bố Quyết định số: 56.2017/QĐNS ngày 05/6/2017 về chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật và buộc Công ty ĐA phải chịu trách nhiệm sau đây: Nhận người lao động trở lại làm việc; trả tiền lương từ ngày 08/6/2017 đến nay là 347.225.000đ; thanh toán các khoản bảo hiểm từ ngày 08/6/2017 đến nay là 62.833.750đ; bồi thường thiệt hại do chấm dứt lao động trái pháp luật bằng 02 tháng tiền lương là 24.700.000đ; thanh toán tiền nghỉ phép năm của năm 2017 và 2018 là 24 ngày trên cơ sở 475.000đ/ngày; tiếp tục trả lương và thanh toán các khoản bảo hiểm đến khi bà trở lại làm việc tại Công ty ĐA chi nhánh AG.

- *Ông P là người đại diện theo ủy quyền của Công ty ĐA trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến: Giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 19/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố HN và ông N: Vắng mặt.

Phần tranh luận:

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến:

Công ty ĐA nhận bà H vào làm việc với vị trí là Phó Chánh Văn phòng tại chi nhánh AG, thỏa thuận trả lương cho bà H 13.000.000đ/tháng, bao gồm các khoản sau đây: Mức lương cơ bản là 4.700.000đ/tháng, lương hiệu quả là 7.650.000đ/tháng, tiền ăn là 650.000đ/tháng. Quá trình làm việc, bà H thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ do cấp trên phân công, không vi phạm nội quy, quy chế của công ty, Công ty ĐA chi nhánh AG đang hoạt động tốt bình thường, không thua lỗ. Đến ngày 24/4/2017, bà H nhận được Thông báo số 89 về việc thông báo thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động, bà H không đồng ý nội dung của Thông báo số 89 nên có gửi email phản hồi đến Công ty ĐA biết nhưng Công ty ĐA vẫn tiếp tục có quyết định đình chỉ công tác và tiếp theo là quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà H.

Tại phiên tòa hôm nay, phía Công ty ĐA trình bày việc chấm dứt hợp đồng lao đồng với bà H có 02 lý do: Công ty hoạt động không hiệu quả; bà H vi phạm nội quy, quy chế của công ty và không hoàn thành nhiệm vụ theo biên bản họp ngày 10/4/2017 của Công ty ĐA chi nhánh AG.

Tuy nhiên, việc Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là không phù hợp với quy định của pháp luật, bởi các lý do sau đây: Việc cắt giảm nhân sự do công ty hoạt động không hiệu quả nhưng không trao đổi trước với bà H, không thực hiện đúng trình tự thủ tục xây dựng phương án sử dụng lao động có sự tham gia của đại diện tập thể lao động cơ sơ và không thông báo trước cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh là không đúng với quy định tại Điều 44 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Lao động; Công ty ĐA không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà H vi phạm nội quy, quy chế của công ty và không hoàn thành nhiệm vụ đã phân công, việc Công ty ĐA mở cuộc họp xử lý vi phạm của bà H để chấm dứt hợp đồng lao động với bà H nhưng không thông báo cho bà H biết để tham gia là không đảm bảo quyền lợi của bà H. Mặt khác, Thông báo số 89 ngày 24/4/2017 thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là 45 ngày kể từ ngày 24/4/2017 nhưng chưa đủ 45 ngày thì công ty ra Quyết định số 155 ngày 12/5/2017 về đình chỉ công tác đối với bà H là trái pháp luật.

Do đó, Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là trái pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường chi phí thuê Luật sư, chi phí đi lại, chi phí in ấn tài liệu, tiền thưởng lương tháng 13; sửa một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu áp dụng tiền lương là 12.350.000đ/tháng (gồm: lương cơ bản 4.700.000đ/tháng và lương hiệu quả 7.650.000đ/tháng) để buộc Công ty ĐA chi trả các khoản tiền cho bà H theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao

động là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, chấp nhận kháng cáo của bà H như bà H trình bày tại phiên tòa hôm nay.

- Ông Q và ông P cùng trình bày ý kiến:

Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động với bà H với 02 lý do: Công ty hoạt động không hiệu quả; bà H vi phạm nội quy, quy chế của công ty và không hoàn thành nhiệm vụ. Chứng cứ chứng minh cho lý do thứ nhất: Cục thuế tỉnh An Giang có thông báo về việc Công ty ĐA chi nhánh AG còn nợ thuế nhà nước từ năm 2016 đến năm 2017 và biên bản làm việc ngày 17/4/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty ĐA; chứng cứ chứng minh cho lý do thứ hai: Biên bản họp ngày 10/4/2017 của Công ty ĐA chi nhánh AG có nêu những vi phạm của bà H và biên bản làm việc ngày 17/4/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty ĐA. Do bà H là người lao động nên công ty không thông báo cho bà H dự các cuộc họp là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H thừa nhận: ngày 08/6/2017 có nhận Quyết định số 56 ngày 05/6/2107 về chấm dứt hợp đồng lao động. Như vậy, Công ty ĐA đã thực hiện đúng thời hạn thông báo trước là 45 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động.

Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà H đúng pháp luật và đã thanh toán lương cho bà H là đảm bảo quyền lợi của người lao động. Công ty có xây dựng phương án sử dụng lại lao động nhưng chỉ chấm dứt hợp đồng lao đồng đối với một người lao động nên không cần thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 44 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Lao động, vì pháp luật quy định cho thôi việc từ 02 người lao động trở lên mới thực hiện theo quy định tại Điều 44 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Lao động. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động với bà H không thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 44 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Lao động và ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà H trình bày tại phiên tòa hôm nay là không có cơ sở.

Công ty ĐA thừa nhận có nhận bà H vào làm việc với chức vụ là Phó Chánh Văn phòng tại Chi nhánh AG với tiền lương là 13.000.000đ/tháng (gồm các khoản: mức lương cơ bản là 4.700.000đ/tháng, lương hiệu quả là 7.650.000đ/tháng, tiền ăn giữa ca là 650.000đ/tháng), thời gian bà H làm việc là 06 tháng, công ty đã trả đủ tiền lương cho bà H 13.000.000đ/tháng và có trừ bảo hiểm bà H phải nộp. Hiện nay, công ty kinh doanh có hiệu quả nên công ty đồng ý nhận bà H trở lại làm việc nhưng không đảm nhiệm chức vụ như cũ, công việc sẽ thỏa thuận sau và Công ty ĐA tự nguyện hỗ trợ cho bà H số tiền 132.000.000đ. Đối với việc bà H yêu cầu chi trả tiền nghỉ phép năm của 02 năm là 24 ngày là không có cơ sở vì đến khi bà H thôi việc thì chỉ đủ thời gian 06 tháng, tức chưa đủ 12 tháng nên không được công ty chi trả tiền nghỉ phép năm.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty ĐA; không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H; không chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H; Ghi

nhận sự tự nguyện của Công ty ĐA nhận bà H trở lại làm việc và ghi nhận sự tự nguyện của Công ty ĐA tự nguyện hỗ trợ cho bà H số tiền 132.000.000đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, bà H rút một phần kháng cáo, sửa một phần kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án do bà H rút một phần kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà H.

- Không nhận kháng cáo của Công ty ĐA.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm số: 01/2019/LĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên theo hướng kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bà H và Công ty ĐA đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hình thức của Quyết định kháng nghị 01/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 19/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông N, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố HN vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bà H rút một phần kháng cáo về bồi thường chi phí thuê Luật sư, chi phí đi lại, chi phí in ấn tài liệu, tiền thưởng lương tháng 13. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ

xét xử phúc thẩm một phần vụ án về bồi thường chi phí thuê Luật sư, chi phí đi lại, chi phí in ấn tài liệu và tiền thưởng lương tháng 13.

[4] Nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[4.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 56.2017/QĐNS ngày 05/6/2017 về chấm dứt hợp đồng lao động:

Hợp đồng lao động số 71.2017/HĐLĐ giữa Công ty ĐA và bà H là loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 của Bộ luật Lao động.

Theo Thông báo số 89/ĐA-BQLDA ngày 24/4/2017 về thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động có nội dung: *"....do hoạt động kinh doanh chưa đáp ứng kỳ vọng nên công ty cắt giảm nhân sự một số bộ phận.....thông báo sẽ chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đối với bà H..."*. Tiếp theo, Công ty ĐA ban hành Quyết định 155/2017/QĐNS ngày 12/5/2017 đình chỉ công tác đối với bà H và Quyết định số 56.2017/QĐNS ngày 05/6/2017 về chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H. Như vậy, Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H vì lý do kinh tế theo quy định tại khoản 10 Điều 36 của Bộ luật Lao động.

Xét thấy, Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 15/02/2017, Hội đồng quản trị Công ty ĐA đề ra kế hoạch 06 tháng đầu năm 2017 phải tăng các khoản doanh thu và lợi nhuận cao hơn so với năm 2016, Nghị quyết 01/NQ-HĐQT ngày 15/02/2017 không nêu tình hình công ty kinh doanh năm 2016 kém hiệu quả và Thông báo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 thể hiện tất cả các khoản doanh thu và lợi nhuận của năm 2016 đều tăng hơn năm 2015, không thể hiện số doanh thu hay lợi nhuận giảm so với năm trước. Đồng thời, theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 15/02/2017, Hội đồng quản trị Công ty ĐA đề nghị: *"Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm rà soát lại định biên lao động theo hướng tinh giảm/kiêm nhiệm để tăng năng suất lao động theo đúng yêu cầu kế hoạch"*. Như vậy, Nghị quyết không đề nghị tinh giảm lao động vì lý do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế của công ty bị giảm hoặc do sáp nhập công ty như các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 36 của Bộ luật Lao động và Điều 13 của Nghị quyết số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ. Hơn nữa, thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H là chưa kết thúc 06 tháng đầu năm 2017 và chưa có kết quả kinh doanh của 06 tháng đầu năm 2017 nên không có kết luận về việc kinh doanh bị giảm hoặc bị lỗ.

Việc Công ty ĐA chi nhánh AG chậm nộp thuế quyền sử dụng đất cho nhà nước (thể hiện tại Công văn số 173/CT-QLN ngày 27/4/2017 của Cục thuế tỉnh An Giang) không phải là chứng cứ chứng minh Công ty ĐA chi nhánh AG hoạt động kinh doanh hiệu quả kém dẫn đến thua lỗ để giảm nhân sự.

Do đó, người đại diện của Công ty ĐA trình bày chấm dứt hợp đồng lao động với bà H thuộc trường hợp tinh giảm lao động do công ty kinh doanh không hiệu quả là không phù hợp với Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 15/02/2017 của Hội đồng quản trị Công ty ĐA và không phù hợp với Thông báo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 lập ngày 08/3/2017 của Công ty ĐA.

Công ty ĐA không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc có khủng hoảng kinh tế hoặc có suy thoái kinh tế hoặc thực hiện chính sách của nhà nước khi tái cơ cấu nền kinh tế hoặc thực hiện cam kết quốc tế như quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều của Nghị quyết số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ; không cung cấp tài liệu, chứng cứ về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty bị lỗ hay không đạt hiệu quả như kế hoạch. Ngoài ra, Công ty ĐA không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nên buộc phải cắt giảm nhân sự chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H.

Đồng thời, theo Biên bản làm việc ngày 17/4/2017, Hội đồng quản trị Công ty ĐA không đề nghị cắt giảm nhân sự của bộ phận văn phòng chi nhánh AG để thay đổi cơ cấu. Hơn nữa, sau khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H, Công ty ĐA bổ nhiệm bà Liêu Thị Anh Thư giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng chi nhánh AG (thay bà H), điều này cho thấy Văn phòng tại chi nhánh AG vẫn tồn tại, không thay đổi cơ cấu.

Do đó, Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H vì lý do *"hoạt động kinh doanh chưa đáp ứng kỳ vọng"* như đã nêu tại Thông báo số 89/ĐA-BQLDA ngày 24/4/2017 là không có cơ sở.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P là người đại diện của Công ty ĐA trình bày: *"Việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H là do bà H không chấp hành nội quy của công ty, quá trình làm việc không hiệu quả, có lời lẽ quấy rối ảnh hưởng đến thương hiệu của công ty. Lẽ ra, công ty sa thải bà H nhưng công ty tạo điều kiện cho bà H có việc làm nên công ty chấm dứt hợp đồng lao động là thể hiện tính nhân văn"*; Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q là người đại diện theo pháp luật và ông P theo ủy quyền của Công ty ĐA đều xác định: "*Việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H có hai lý do: thứ nhất: chi nhánh AG hoạt động không hiệu quả nên có nợ thuế nhà nước; thứ hai: bà H vi phạm nội quy, quy chế của công ty, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công nên phải cắt giảm nhân sự đối với bà H"*; Ý kiến của ông N (Giám đốc chi nhánh AG) cũng xác định: *"Việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là do năng lực lao động của bà H không đạt hiệu quả"*.

Theo Biên bản họp ngày 10/4/2017 tại chi nhánh AG và Biên bản làm việc ngày 17/4/2017 của Hội đồng quản trị Công ty ĐA đều xác định cần chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H *"do bà H không chấp hành nội quy của công ty, làm việc không hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công…"*.

Như vậy, Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động với bà H vì lý do kinh tế còn có lý do khác, đó là: Người lao động không hoàn thành nhiệm vụ thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Lao động.

Xét thấy, về thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động có thông báo cho bà H biết trước 45 ngày đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, Công ty ĐA không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ (*"Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động tại các điểm a và c khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Lao động được quy định như sau: 1.*

Người sử dụng lao động phải quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của doanh nghiệp, làm cơ sở đánh giá người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ do người sử dụng lao động ban hành sau khi có ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở"). Hơn nữa, Biên bản họp ngày 10/4/2017 tại Văn phòng chi nhánh AG về xử lý vi phạm của bà H *"không chấp hành nội quy, quy chế của công ty, không hoàn thành nhiệm vụ được giao ..."* nhưng công ty không thông báo cho bà H tham dự để trình bày ý kiến và nguyện vọng là không đảm bảo quyền lợi của bà H.

Mặt khác, theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản luật về lao động thì không có quy định trường hợp người sử dụng lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nếu người lao động vi phạm nội quy, quy chế của doanh nghiệp. Do đó, Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H do bà H không chấp hành nội quy của công ty và không hoàn thành nhiệm vụ là không có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, yêu cầu của bà H và ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà H trình bày Công ty ĐA đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H là trái pháp luật là có cơ sở, nên cấp sơ cấp thẩm tuyên xử buộc Công ty ĐA phải chịu trách nhiệm đối với việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động là đúng.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động đối với và H do thay đổi cơ cấu, tổ chức lại lao động là không phù hợp với tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được và cấp sơ thẩm nhận định Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động đối với và H là trái pháp luật do vi phạm quy định Điều 44 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Lao động là không có cơ sở, vì theo khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 05//2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ: *"Trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế mà ảnh hưởng đến việc làm hoặc có nguy cơ mất việc làm, phải cho thôi việc từ 02 người lao động trở lên thì người sử dụng lao động thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 44 của Bộ luật Lao động"*. Những nhân sự của bộ phận kinh doanh được chuyển sang công ty khác làm việc, chỉ riêng một trường hợp bà H thì Công ty ĐA cho thôi việc nên không cần phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 44 của Bộ luật Lao động.

[4.2] Về hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

Theo Hợp đồng lao động số 71.2016 ngày 13/12/2016 thỏa thuận gồm: Mức lương chính là 4.700.000đ/tháng, cộng các khoản phụ cấp và theo Quyết định số 71.2016/QĐNS ngày 13/12/2016, Công ty ĐA quyết định tiền lương của bà H bao gồm: Mức lương cơ bản là 4.700.000đ/tháng và lương hiệu quả là 7.650.000đ/tháng x hệ số và tiền ăn là 650.000đ;

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 90 của Bộ luật Lao động: *"1.Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để*

thực hiện công việc theo thỏa thuận. Tiền lương bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác; 2. Tiền lương trả cho người lao động căn cứ vào năng suất lao động và chất lượng công việc".

Theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ: *"Tiền lương theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 90 của Bộ luật Lao động được quy định như sau: 1.Tiền lương ghi trong hợp đồng lao động do người lao động thỏa thuận với người sử dụng lao động để thực hiện công việc nhất định, bao gồm: a) Mức lương theo công việc hoặc chức danh là mức lương trong thang lương, bảng lương do người sử dụng lao động xây dựng theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Lao động. Mức lương đối với công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động và thời giờ làm việc bình thường (không bao gồm khoản tiền trả thêm khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm) không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định; b) Phụ cấp lương là khoản tiền bù đắp các yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp của công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ trong mức lương theo công việc hoặc chức danh; c) Các khoản bổ sung khác là khoản tiền bổ sung ngoài mức lương, phụ cấp lương và có liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động, trừ tiền thưởng, tiền ăn giữa ca, các khoản hỗ trợ, trợ cấp của người sử dụng lao động không liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động. 2. Tiền lương trả cho người lao động được căn cứ theo tiền lương ghi trong hợp đồng lao động, năng suất lao động, khối lượng và chất lượng công việc mà người lao động đã thực hiện"*.

Theo các phiếu chi trả tiền lương cho bà H trong những tháng liền kề trước khi bà H thôi việc đều thể hiện tiền lương hàng tháng của bà H gồm: Mức lương cơ bản là 4.700.000đ/tháng và lương hiệu quả là 7.650.000đ/tháng và tiền ăn là 650.000đ, tổng cộng là 13.000.000đ, tức là Công ty ĐA đã chi trả lương hiệu quả công việc cho H theo hệ số A 100% (hoàn thành công việc) trong những tháng liền kề trước khi bà H thôi việc.

Như vậy, cấp sơ thẩm căn cứ mức lương 4.700.000đ/tháng là thiếu sót, nên bà H kháng cáo yêu cầu áp dụng tiền lương gồm: mức lương 4.700.000đ/tháng cộng với lương hiệu quả là 7.650.000đ/tháng, tổng cộng là 12.350.000đ/tháng là có cơ sở và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang là có căn cứ.

Theo hợp đồng lao động giữa Công ty ĐA và bà H có thỏa thuận bà H được hưởng chế độ nghỉ phép năm theo quy định của Bộ luật Lao động. Do Công ty ĐA chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H là trái pháp luật nên bà H yêu cầu thanh toán tiền phép năm trong những ngày bà H không được làm việc là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 114 của Bộ luật Lao động và phù hợp với hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà H yêu cầu được thanh toán 24 ngày nghỉ phép với số tiền 475.000đ/ngày là không phù hợp, vì từ ngày bà H thôi việc đến ngày xét xử sơ thẩm là 23 tháng 13 ngày nên bà H chỉ được hưởng 23 ngày nghỉ phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 111 của Bộ luật Lao động, bà H không có chứng cứ

về việc Công ty ĐA có thỏa thuận một ngày nghỉ phép được thanh toán bằng 475.000đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương cơ bản theo hợp đồng lao động là 4.700.000đ/tháng. Theo đó, bà H được thanh toán 23 ngày phép năm bằng 3.603.000đ (4.700.000đ/tháng x 23 ngày).

Công ty ĐA kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty ĐA như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm: Hủy Quyết định số 56.2017/QĐNS ngày 05/6/2017 về chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H và buộc Công ty ĐA phải có trách nhiệm đối với bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động. Cụ thể: Công nhận sự tự nguyện của Công ty ĐA và bà H: Công ty ĐA có trách nhiệm nhận bà H trở lại làm việc theo hợp đồng lao động; Công ty ĐA có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 317.705.000đ (gồm: tiền lương trong những ngày bà H không được làm việc là 23 tháng 13 ngày x 12.350.000đ/tháng = 289.402.000đ; bồi thường 02 tháng tiền lương là 24.700.000đ và 23 ngày phép là 3.603.000đ); Công ty ĐA có trách nhiệm đóng loại bảo hiểm cho bà H trong những ngày bà H không được làm việc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm; bà H có trách nhiệm đóng các loại bảo hiểm của người lao động trong những ngày bà H không được làm việc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm; Công ty ĐA có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lương và các chế độ bảo hiểm cho bà H theo hợp đồng lao động kể từ ngày 22/5/2019 đến ngày bà H trở lại làm việc.

[4]. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc thông báo cho bà H nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là không đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về án phí lao động phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty ĐA không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án về yêu cầu bồi thường chi phí thuê Luật sư, chi phí đi lại, chi phí in ấn tài liệu và tiền thưởng lương tháng 13.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nguyệt H.

3. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA.

4. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 01/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

5. Sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2019/LĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

5.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nguyệt H.

- Hủy Quyết định số: 56.2017/QĐNS ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị Nguyệt H.

- Công nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA và bà Nguyễn Thị Nguyệt H về việc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA có trách nhiệm nhận bà Nguyễn Thị Nguyệt H trở lại làm việc theo hợp đồng lao động số: 71.2016/HĐLĐ ngày 13 tháng 12 năm 2016.

- Buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H số tiền 317.705.000 đồng *(Ba trăm mười bảy triệu bảy trăm lẻ năm ngàn đồng)* (gồm: tiền lương trong những ngày bà H không được làm việc là 23 tháng 13 ngày là 289.402.000đ; bồi thường hai tháng tiền lương là 24.700.000đ và 23 ngày phép là 3.603.000đ).

- Buộc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA có trách nhiệm đóng loại bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H trong những ngày bà H không được làm việc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

- Buộc bà Nguyễn Thị Nguyệt H có trách nhiệm đóng các loại bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm trong những ngày bà Nguyễn Thị Nguyệt H không được làm việc.

- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại ĐA có trách nhiệm trả tiền lương và đóng các loại bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Nguyệt H theo hợp đồng lao động từ ngày 22 tháng 5 năm 2019 đến ngày bà H trở lại làm việc.

5.2. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Nguyệt H được nhận lại tạm ứng án phí là 3.225.000 đồng *(Ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0017775 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 9.531.000 đồng *(Chín triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn đồng)*.

6. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông không phải chịu án phí phúc thẩm và được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003173 ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án thành phố Long Xuyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV – TA tỉnh;
- TAND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Văn Phòng – TA tỉnh;
- Tòa Kinh tế - Tòa án tỉnh;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ